TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C R** **THÀNH PHỐ C T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNST
Ngày: 11/11/2021
Về việc: *"Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung sau thời kỳ hôn nhân"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C R, THÀNH PHỐ C T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.
- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Bùi Thanh Trí**.

Ông **Nguyễn Thanh Tùng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà *Trần Thị Hạnh Nhung* – Thư ký Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C R, thành phố C T tham gia phiên tòa: Bà *Võ Thị Nhu* – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 317/2019/TLST-HN ngày 23 tháng 12 năm 2019 về *"Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung sau thời kỳ hôn nhân"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2021/QĐST-HN ngày 15/10/2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Nguyễn V H** , sinh năm 1970. (Có mặt)

ĐKTT: 94A khu vực Khánh Hưng, phường P T, quận C R, thành phố C T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Nguyễn N H** – Luật sư Văn phòng Luật sư Thanh Tân thuộc Đoàn luật sư thành phố C T. (Có mặt)

Địa chỉ: 41 Trần Văn Khéo, phường C K, quận N K, thành phố C T.

* Bị đơn: Bà **Trương T T A** , sinh năm 1975. (Có mặt)

ĐKTT: 94A khu vực Khánh Hưng, phường P T, quận C R, thành phố C T.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng N N V PT N T V N – Chi nhánh quận C R – Phòng giao dịch N T Đ** . (Viết tắt Ngân hàng) (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 22 đường số 8, Khu đô thị 586, phường P T, quận C R, thành phố C T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn – ông Nguyễn V H trình bày*:

Ông và bà Trương T T A tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P T, quận C R vào năm 2004. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn T Y N (nữ), sinh năm 1998 và Nguyễn K D (Nam), sinh năm 2003. Do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà có đơn yêu cầu thuận tình ly hôn và được Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa ông bà vào ngày 21/08/2019. Theo quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn số 99/QĐST-VHNGĐ ngày 21/08/2019, tại nội dung phần quyết định nêu như sau:

"1. Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương T T A và ông Nguyễn V H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn T Y N (nữ), sinh ngày 09/3/1998 đã trưởng thành và Nguyễn K D (nam), sinh ngày 01/12/2003. Bà A và ông H nhất sau khi ly hôn bà A là người trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn K D (nam), sinh ngày 01/12/2003 đến khi trưởng thành. Ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông H theo quy định, không ai có quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai thống nhất không có nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác."

Tuy nhiên, nguyên đơn xác định trong quá trình thuận tình ly hôn thì chưa giải vấn đề tài sản nên yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng của vợ chồng là phần nhà và đất tại thửa số 661, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại phường P T, quận C R, thành phố C T, mỗi người nhận ½ giá trị tài sản đang tranh chấp.

** Theo bản tự khai của bị đơn – bà Trương T T A trình bày*:

Vào năm 2019, bà và ông Nguyễn V H đã làm thủ tục ly hôn nhưng không có chia tài sản mà có ý định cho các con sau này nhưng nay ông H yêu cầu chia tài sản chung thì bà không đồng ý, chỉ đồng ý chia tài sản cho các con. Đồng thời, bà xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đang thế chấp tại Ngân hàng N N V PT N T V N - chi nhánh quận C R – Phòng giao dịch N T Đ để vay số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), chưa có trả nợ gốc. Đối với nợ chung yêu cầu mỗi người trả ½ nợ gốc và lãi.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng N N V PT N T V N - chi nhánh quận C R – Phòng giao dịch N T Đ trình bày*:

Căn cứ vào thông báo số 170 ngày 23/04/2020 của Tòa án nhân dân quận C R ký. Ngân hàng là bên liên quan đến quyền lợi trong vụ án giữa bà Trương T T A và ông Nguyễn V H - ngụ tại số 94A Khu vực Khánh Hưng, Phường P T, quận C R, thành phố C T. Bà T A có vay vốn ngân hàng theo hồ sơ vay tiền số 1808-LAV-201902077 ngày 11/12/2019. Bà Trương T T A đã nhận tiền vay tại ngân hàng số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Hạn trả ngày 10/12/2020. Hình thức bảo đảm tiền vay thế chấp quyền sử dụng số đất: CH06358 do Ủy ban nhân dân quận C R cấp ngày 19/10/2015. Đến ngày 25/05/2020, bà Trương T T A nợ ngân hàng Nông nghiệp tổng cộng tiền gốc: 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Trong đó: Gốc: 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và Lãi: 2.200.000 đồng (Hai triệu, hai trăm nghìn đồng). Nay Ngân hàng làm bản yêu cầu gửi đến Tòa án nhân dân quận C R xin giải quyết vắng mặt và không yêu cầu trình bà Trương T T A phải trả nợ có đủ khả năng trả đúng theo hợp đồng ký kết.

Do phía bị đơn chỉ cung cấp bản tự khai mà không tham gia hòa giải mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không tiến hành hòa giải mà phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa,

Quan điểm tranh luật của nguyên đơn: Nguyên đơn thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu nhận hiện vật tương ứng với 6/10 giá trị tài sản đang tranh chấp và trả giá trị 4/10 tài sản cho bị đơn theo giá đã thẩm định để nhận phần nhà và đất đang tranh chấp.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn – ông Nguyễn N H trình bày: Các đương sự đã thống nhất tài sản đang tranh chấp là tài chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân do đó đề nghị không đặt vấn đề ai là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về nguyên tắc tài sản chung thì chia đôi nhưng phải tính đến công sức đóng góp của các bên. Nhà và đất yêu cầu chia như thế nào cũng được nhưng phải có tình, có lý, có căn cứ. Lý do nguyên đơn nêu lên được hưởng tài sản tương ứng 6/10 là vì tài sản có

nguồn gốc của gia đình nguyên đơn bán rẽ cho các đương sự. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận yêu cầu này.

Đối với nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất mỗi bên chịu ½ nợ chung nên đề nghị ghi nhận.

Đối với tiền đo đạc định giá thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm tranh luận của bị đơn đối với quan điểm của nguyên đơn và luật sư: Bị đơn không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu chia mỗi người nhận ½ giá trị tài sản sau khi trả nợ xong. Đối với nợ chung đề nghị mỗi bên chịu ½ nợ chung của ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến nhận xét về quá trình tuân theo quy định của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký và ý kiến về đường lối giải quyết vụ án:

Về thẩm quyền thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng thì Tòa án xác định là đúng theo quy định, vụ kiện thụ lý là đúng thẩm quyền, việc tiến hành thủ tục xét xử của Tòa án cho đến giai đoạn hiện nay là phù hợp. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn xét xử.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Qua các tài liệu chứng cứ, cũng như tại phiên tòa các đương sự thống nhất là tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên phải chia đôi theo quy định. Nguyên đơn yêu cầu được nhận 6/10 tài sản mà không đưa ra chứng cứ chứng minh được.

Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tài sản chung mỗi người nhận ½ giá trị tài sản tranh chấp. Đề nghị ghi nhận nợ chung của vợ chồng nên mỗi người phải trả ½ nợ chung cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Trong quá giải quyết yêu cầu thuận tình ly hôn vào thời điểm tháng 8/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn thì chưa giải quyết về tài chung do đó nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn với bị đơn. Khi phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Luật hôn nhân gia đình điều chỉnh, tranh chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ *"Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung sau thời kỳ*

hôn nhân". Mặc khác, bị đơn bà T A có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại quận C R, thành phố C T nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C R theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về phần thủ tục*:

Ông Nguyễn N H là luật sư bảo về quyền và lợi ích pháp cho nguyên đơn đã nộp hồ sơ đầy đủ, đã được đăng ký vào sổ và tại phiên tòa đương sự vẫn yêu cầu tiếp tục bảo vệ nên chấp nhận.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn chia 6/10 phần đất và phần nhà trên phần đất tranh chấp tại thửa số 661, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại phường P T, quận C R, thành phố C T. Nhận thấy, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận tài sản đang tranh chấp là tài sản của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân vì vậy căn cứ theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đương sự không phải chứng minh. Theo quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn số 99/QĐST-VHNGĐ ngày 21/08/2019 của Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T giải quyết xác định tài sản chung chưa chia, nếu sau này có tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác nên đây là căn cứ để Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng về mặt hình thức.

Việc nguyên đơn đề nghị nhận hiện vật tương ứng 6/10 giá trị tài sản tranh chấp và đồng ý thối giá trị cho bị đơn tương ứng 4/10 giá trị tài sản tranh chấp đã được thẩm định. Nhận thấy, nguồn gốc hình thành tài sản đang tranh chấp thì theo nguyên đơn và bị đơn xác định là do mua từ gia đình của nguyên đơn với giá trị hơn 08 lượng vàng, số vàng để mua tài sản là do trong quá trình chung sống vợ chồng đã tạo lập mà có được, sau đó xây dựng nhà trên đất. Tuy nhiên, khi làm thủ tục sang tên thì lại làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Trương T T A đứng tên. Về mặt hình thức thì xác định là tài sản riêng của bà Tâm Anh, do đó khi thực hiện vay vốn ngân hàng chỉ có mình bà T A ký tên trên hợp đồng tài sản thế chấp. Tại phiên tòa, bà T A thừa nhận tài sản tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong quá trình hôn nhân, khi giải quyết ly hôn chưa chia là có lợi cho nguyên đơn. Mặc khác, nguyên đơn cho rằng mình là người có công đóng góp đối với tài sản này nhưng ông cũng không có bất kỳ tài liệu chứng cứ nào thể hiện mình là người có công đóng góp tài sản nhiều hơn. Ông cho rằng việc gia đình ông vừa bán vừa cho nên ông phải được hưởng nhiều hơn là không đúng, trong khi đó tài sản do bà T A đứng tên thông qua việc tặng cho nay đồng ý xác nhập vào tài sản chung của vợ

chồng để chia là phù hợp. Từ những phân tích nêu trên, việc nguyên đơn yêu cầu nhận 6/10 giá trị tài sản tranh chấp là không có cơ sở chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ phần tài sản tranh chấp, tại Bản trích đo địa chính số 41/TTKTTNMT ngày 16/09/2020 do Trung tâm kỹ Thuật Tài nguyên và môi trường thành phố C T lập thì xác định phần đất tranh chấp thửa số 661, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại phường P T, quận C R, thành phố C T có diện tích 3452.8m^2 và phần nhà trên đất có kết cấu nhà cấp 4, bê tông cốt thép, mái tole, không trần, nền gạch men. Kích thước ngang 7,5m dài 16m; ngoài ra trên phần đất có các cây trồng trên đất gồm có: Dừa 17 cây loại A, 01 cây loại B; Nhãn 02 cây loại A, 02 cây loại B; Hạnh 03 cây loại A; Mít 494 cây loại B, 2 cây loại C; Xoài 1 cây loại A, 26 cây loại B; Vú sữa 01 cây B; Mận 1 cây loại A; Đu đủ 1 cây loại A; Chuối 10 cây loại A, 40 cây loại B, 27 cây loại C; Mãng cầu 1 cây loại A theo biên bản về việc thẩm định ngày 26/06/2020. Căn cứ Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định phần đất và nhà trên đất tranh chấp tọa lạc thửa số 661, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại phường P T, quận C R, thành phố C T nói trên là tài sản chung của ông H và bà T A có được trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, căn cứ vào các quy định tại Điều 59 và Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình để phân chia tài sản chung cho ông H và bà T A mỗi người được hưởng ½ trên tổng diện tích tài sản đang tranh chấp như đã thẩm định.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên chỉ yêu cầu đo đạc định giá giá trị tài sản theo giá Nhà nước và có khảo sát định giá theo giá thị trường đối với phần đất và thời điểm định giá cũng đã lâu. Hiện nay, tài sản đang thế chấp tại ngân hàng nên để tránh ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên vì vậy Hội đồng xét xử thống nhất mỗi bên nhận được ½ giá trị phần tài sản chung của vợ chồng tương ứng tại giai đoạn thi hành án sau khi thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ xong cho ngân hàng. Về giá trị tài sản tranh chấp, các đương sự thống nhất theo giá đã thẩm định tương ứng phần nhà có giá 341.760.000 đồng (Ba trăm bốn mươi mốt tiệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) và phần đất có tổng giá trị 563.800.000 đồng (Năm trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm nghìn đồng), tổng giá trị nhà và đất 905.560.000 đồng (Chín trăm lẻ năm triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Do đó, Hội đồng xét xử lấy giá này để giải quyết tranh chấp và tính án phí cho các đương sự.

Các đương sự chỉ yêu cầu giải quyết phần đất và nhà trên đất không yêu cầu giải quyết phần cây trồng trên đất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét nếu sau này có tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

Đối với nợ chung: Các đương sự thống nhất đây là nợ chung của vợ chồng và mỗi bên chịu 1/2 đối với nợ ngân hàng nên ghi nhận. Tòa án có triệu tập Ngân hàng tham gia tố tụng để giải quyết phần nợ tuy nhiên ngân hàng xác định bà T A trả nợ tốt nên không khởi kiện nên Tòa án không thể buộc các đương sự thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng trong cùng vụ án này được. Nếu sau này có tranh chấp giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] ***Về chi phí tố tụng***: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận một phần và các đương sự đương nhận phần tài sản chung nên phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ này tương ứng mỗi bên phải chịu là 3.750.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Phía nguyên đơn đã tạm ứng trước 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) nên bị đơn đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

[5] ***Về án phí sơ thẩm***: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí chia tài sản chung tương đương ½ giá trị tài sản các bên nhận đã được nhận. Ngoài ra, nguyên đơn còn phải chịu án phí trên phần không được chấp nhận yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92; khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 233 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Điều 33, Điều 37, Điều 59, Điều 60, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 99 Luật đất đai năm 2013.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự thỏa thuận về số tiền nợ tại Ngân hàng N N V PT N T V N – Chi nhánh quận C R - Phòng giao dịch Nam C T theo Hợp đồng tín dụng số 1808 – LAV - 2019 02077 ngày 11/12/ 2019 đã ký là nợ chung của ông Nguyễn V H và bà Trương T T A và mỗi bên thống chịu ½ nghĩa vụ thanh toán nợ ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nói trên.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Nguyên đơn và bị đơn mỗi người được nhận ½ giá trị tài sản tại giai đoạn thi hành án gồm: Phần đất tại thửa số 661; tờ bản đồ số 04; tọa lạc tại phường P T, quận C R, thành phố C T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 751484 cấp ngày 29/10/2015 do bà Trương T T A đứng tên; có diện tích đo đạc thực tế có diện tích 3452.8m^2 theo Bản trích đo địa chính số 41/TTKTTNMT ngày 16/09/2020 do Trung tâm kỹ Thuật Tài nguyên và môi trường thành phố C T xác lập (trên phần đất có xây nhà căn nhà có kết cấu nhà cấp 4, bê tông cốt thép, mái tole, không trần, nền gạch men. Kích thước ngang 7,5m dài 16m theo biên bản về việc thẩm định ngày 26/06/2020 chưa được công nhận quyền sở hữu) sau khi thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N N V PT N T V N – Chi nhánh quận C R - Phòng giao dịch Nam C T theo hợp đồng tín dụng số 1808 – LAV - 201902077 ngày 11/12/2019.

3. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng). Nguyên đơn và bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ này tương ứng mỗi bên phải chịu là 3.750.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Phía nguyên đơn đã tạm ứng trước 7.500.000 đồng Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) nên nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí 24.374.500 đồng (Hai mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu số 005789 ngày 18/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận C R, thành phố C T thì nguyên đơn được nhận lại 7.125.500 đồng (Bảy triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, năm trăm đồng) và bị đơn phải chịu án phí là 22.111.000 đồng (Hai mươi hai triệu, một trăm mười một nghìn đồng)

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Nơi nhận:

+ VKSND quận C R;
+ Chi Cục THADS quận C R;
+ Các đương sự;
+ Lưu hồ sơ vụ án.

(ĐÃ KÝ)

TRẦN THỊ HỒNG GẤM